

Phụ lục 3

DANH MỤC TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG THEO BỘ CHỈ SỐ ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC PCTN 2020

A. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC XÂY DỰNG VÀ HOÀN THIỆN CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT VỀ PCTN	TÀI LIỆU, SỐ LIỆU MINH CHỨNG <i>(Sở, ngành, quận, huyện ghi rõ tên, ngày tháng ban hành văn bản theo các mục tương ứng bên cột trái)</i>	Ghi chú
A.1 Đánh giá việc lãnh đạo, chỉ đạo:		
A.1.1 Lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng và hoàn thiện chính sách, pháp luật về PCTN		
A.1.2 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
A.1.3 Lãnh đạo, chỉ đạo phổ biến giáo dục pháp luật về PCTN.		
A1.4 Lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
A.2 Đánh giá việc tổ chức thực hiện:		
A.2.1 Thực hiện công tác xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về PCTN		
<i>A.2.1.1 Ban hành kế hoạch triển khai</i>		
<i>A.2.1.2 Kết quả thực hiện</i>		
A.2.2 Thực hiện kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
<i>A.2.2.1 Ban hành kế hoạch</i>		
<i>A.2.2.2 Kết quả thực hiện</i>		
A.2.3 Thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật về PCTN.		
<i>A.2.3.1 Ban hành kế hoạch</i>		
<i>A.2.3.2 Kết quả thực hiện</i>		
A.2.4 Thực hiện việc kiểm tra, theo dõi thi hành văn bản quy phạm pháp luật về PCTN		
<i>A.2.4.1 Ban hành kế hoạch</i>		
<i>A.2.4.2 Kết quả thực hiện</i>		

A.2.5 Việc tiếp công dân của Chủ tịch UBND tỉnh		
B. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA THAM NHŨNG		
B.1 Công tác phòng ngừa TN trong cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực Nhà nước		
B.1.1 Kết quả thực hiện công khai, minh bạch theo quy định tại Điều 10 của Luật PCTN 2018		
B.1.2 Kết quả cải cách hành chính (PAR 2020)		
B.1.3 Kết quả việc ban hành, thực hiện định mức, chế độ, tiêu chuẩn		
B.1.4 Kết quả kiểm soát xung đột lợi ích		
<i>B.1.4.1 Kết quả triển khai thực hiện rà soát XDLI</i>		
<i>B.1.4.2 Kết quả giải quyết XDLI</i>		
B.1.5 Kết quả việc chuyển đổi vị trí công tác của cán bộ, công chức, viên chức		
B.1.6 Kết quả kiểm soát tài sản, thu nhập (TSTN)		
<i>B.1.6.1 Kế hoạch tổ chức thực hiện</i>		
<i>B.1.6.2 Kết quả kê khai TSTN lần đầu</i>		
<i>B.1.6.3 Kết quả công khai TSTN</i>		
B.1.7 Kết quả thực hiện Chỉ thị 10/TTg của TTg CP		
<i>B.1.7.1 Kế hoạch triển khai năm 2020</i>		
<i>B.1.7.2 Việc tiếp nhận, xử lý kiến nghị, phản ánh của người dân, doanh nghiệp</i>		
<i>B.1.7.3 Kết quả xử lý vi phạm Chỉ thị 10</i>		
B.2 Công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức, khu vực ngoài NN		
Bao gồm: (1) Công ty đại chúng, (2) tổ chức tín dụng và (3) tổ chức XH do Chủ tịch UBND cấp tỉnh quyết định thành lập hoặc phê duyệt điều lệ có huy động khoản đóng góp của Nhân dân để hoạt động từ thiện trên địa bàn tỉnh.		
B.2.1 UBND tỉnh ban hành VB hướng dẫn thực hiện công tác phòng ngừa TN trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN		
B.2.2 Kết quả xây dựng, thực hiện quy tắc ứng xử, cơ chế kiểm tra		

nội bộ trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN		
B.2.3 Kết quả thực hiện các biện pháp công khai, minh bạch trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN		
B.2.4 Kết quả kiểm soát XĐLI trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN		
B.2.5 Kết quả thực hiện chế độ trách nhiệm của người đứng đầu trong doanh nghiệp, tổ chức khu vực ngoài NN		
C. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC PHÁT HIỆN VÀ XỬ LÝ THAM NHŨNG		
C.1 Việc phát hiện hành vi tham nhũng		
C.1.1 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua kiểm tra, thanh tra, giám sát.		
C.1.2 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua phản ánh, tố cáo		
C.1.3 Kết quả phát hiện hành vi tham nhũng qua điều tra, truy tố, xét xử		
C.2 Việc xử lý tham nhũng		
C.2.1 Kết quả xử lý kỷ luật đối với tổ chức, cá nhân		
<i>C.2.1.1 Kết quả xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính đối với tổ chức</i>		
<i>C.2.1.2 Kết quả xử lý kỷ luật hành chính đối với cá nhân</i>		
C.2.2 Kết quả xử lý hình sự người có hành vi tham nhũng		
<i>C.2.2.1 Kết quả xử lý qua điều tra</i>		
<i>C.2.2.2 Kết quả xử lý qua truy tố</i>		
<i>C.2.2.3 Kết quả xử lý qua xét xử</i>		
C.2.3 Kết quả xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ vào mức độ của vụ việc tham nhũng.		
<i>C.2.3.1 Hình thức khiển trách</i> <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, quận, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng ít nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng chưa đến mức bị xử lý hình sự hoặc bị xử lý hình sự bằng hình thức phạt tiền, phạt cải tạo không giam giữ hoặc phạt tù đến 03 năm)</i>		

<p><i>C.2.3.2 Hình thức cảnh cáo</i> <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, quận, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 03 năm đến 07 năm)</i></p>		
<p><i>C.2.3.3 Hình thức cách chức</i> <i>Người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu sở, ngành, quận, huyện để xảy ra vụ việc tham nhũng rất nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 07 năm đến 15 năm) hoặc đặc biệt nghiêm trọng (là vụ việc mà người có hành vi tham nhũng bị xử lý bằng hình thức phạt tù từ trên 05 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình)</i></p>		
<p>C.3 Số lượng tiền, tài sản kiến nghị thu hồi qua phát hiện các hành vi tham nhũng</p>		
<p>D. TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ VIỆC THU HỒI TÀI SẢN THAM NHŨNG</p>		
<p>D.1 Kết quả thu hồi bằng biện pháp hành chính</p>		
<p>D.2 Kết quả thu hồi bằng biện pháp tư pháp</p>		